TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2026
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hường.
2. Bà Trương Thị Hà.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Kim Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2026/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lô Văn B**, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1979.
Trú tại: Bản H, xã M, tỉnh Nghệ An. Số CCCD:040079009855
(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Vi Thị H**, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1981.
Trú tại: Bản V, xã M, tỉnh Nghệ An. Số CCCD:040181018996. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lô Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vi Thị H tổ chức cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Từ năm 2023 ông phát hiện bà Hằng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên ông và bà Hằng đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân với bà Vi Thị H.

Về con chung: Giữa ông và bà Vi Thị H có hai con chung là Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 và Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009. Nếu ly hôn, ông Bùi có

nguyện vọng nuôi con chung Lô Như N và không yêu cầu bà Vi Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Lô Minh T đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Ông Lô Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Vi Thị H vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn bà Hằng vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ngày 24/4/2026, bà Vi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà và ông Lô Văn B không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Ông Bùi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Nghệ An giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn B.

Về con chung: Giữa bà và ông Lô Văn B có hai con chung là Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 và Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009. Nếu ly hôn, ông Bùi có nguyện vọng nuôi con chung Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009 và không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đồng ý với ý kiến của ông Bùi.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà Hằng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M: Ông Lô Văn B và bà Vi Thị H không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa ông Lô Văn B và bà Vi Thị H phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thông qua hoà giải tại cơ sở. Ông Bùi làm đơn xin không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Vi Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông Lô Văn B và bà Vi Thị H có hai người con chung là Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 và Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009. Con chung Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Hiện nay, con chung Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009 đang do ông Lô Văn B trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm

việc. Nguyên đơn ông Lô Văn B và bị đơn bà Vi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 15, 53; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lô Văn B, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lô Văn B và bà Vi Thị H.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009 cho ông Lô Văn B trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Vi Thị H.

Con chung Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Lô Văn B và bà Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc Ông Lô Văn B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2024, nguyên đơn ông Lô Văn B đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân với bà Vi Thị H và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Mường Chọng, tỉnh Nghệ An giữa ông Lô Văn B và và bà Vi Thị H không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, vụ án này được xác định là "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Vi Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản Vạn Nguộc, xã Mường Chọng, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lô Văn B và bà Vi Thị H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, không hạnh phúc nên ông Lô Văn B đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Vi Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, bà Vi Thị H trình bày ý kiến đồng ý đối với nội dung khởi kiện của ông Lô Văn B. Do ông Lô Văn B và bà Vi Thị H không đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng các điều 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lô Văn B và bà Vi Thị H.

[2.2] Về con chung: Ông Lô Văn B và bà Vi Thị H có hai người con chung là Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 và Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009. Cháu Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 đủ 18 tuổi trưởng thành ông Lô Văn B và bà Vi Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009 là người chưa đủ 18 tuổi, thấy rằng: Ông Lô Văn B có nguyện vọng được nuôi con chung và bà Vi Thị H đồng ý giao con chung cho ông Lô Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng, hoàn cảnh, điều kiện để nuôi con phát triển lành mạnh thể chất, trí tuệ nên cần giao con chung là Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009 cho ông Lô Văn B trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Vi Thị H. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lô Văn B và bà Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Ông Lô Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 7, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn B đối với bà Vi Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lô Văn B và bà Vi Thị H.

Về con chung: Giao con chung Lô Như N, sinh ngày 11/4/2009 cho ông Lô Văn B trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 5 năm 2026 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Vi Thị H.

Con chung Lô Minh T, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ 18 tuổi trưởng thành.

Bà Vi Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lô Văn B và bà Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lô Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Ông Lô Văn B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002035 ngày 26/3/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Sầm Thị Thanh Sương